23. XÃ BIỂN BẠCH

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	*(2)*	*(2)*	*(3)*	(4)
1	Đường ĐH 04	Từ nhà ông Đặng Văn Nghiêm (Thửa 377)	Kênh 12 + 500m	360
2	Đường ĐH 04	Kênh 12 + 500m	Kênh 13 + 500m	560
3	Đường ĐH 04	Kênh 13 + 500m	Rạch Ngã Bát	480
4	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Giáp ranh xã Tân Bằng (Từ đất ông Đặng Văn Giang thửa 373)	Rạch Ngã Bát	590
5	Đường ĐH 08	Kinh 14	Kinh 25	280
6	Lộ Kênh 11	Sông Trẹm (Vàm kênh 11)	Ranh Hạt (Kênh xáng cùng Kênh 11)	320
7	Lộ Ngã Bát	Sông Trẹm (Vàm Rạch Ngã Bát)	Ranh hạt (Ngã 5 Miếu Ông Hoàng)	240
8	Lộ giao thông từ Đường hành lang ven biển Phía Nam đến KDL Sinh Thái Sông Trẹm	Đầu nối hành lang ven biển phía Nam	Giáp ranh xã Khánh Thuận	360
9	Lộ Kênh 12	Sông Trẹm (Vàm Kênh 12)	Ranh Hạt (Kênh xáng cùng kênh 12)	240
10	Đường ĐH 04	Kinh hàng Mít	Kênh Năm	420
11	Đường ĐH 04	Kênh Năm	Kênh Sáu	410
12	Đường ĐH 04	Kênh Sáu	Kênh Bảy	900
13	Đường ĐH 04	Kênh Bảy	Kênh Chín	410
14	Bờ Đông sông Trẹm	Kênh Chín	Nhà ông Đặng Văn Nghiêm (Thửa 377)	360

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	*(2)*	*(2)*	*(3)*	(4)
15	Khu tiểu thủ công nghiệp thuộc bờ Tây Sông Trẹm	Kênh 11	Hết ranh Chùa Hưng Hạnh Tự	440
16	Lộ Kênh 6 - Rạch Giữa	Cầu treo	Giáp lộ Hành lang ven biển phía Nam	420
17	Lộ Vàm Thiệt (bờ Bắc)	Sông Trẹm	Giáp lộ Hành lang ven biển phía Nam	280
18	Lộ Kênh Trường học	Đình thần Tân Bằng	Giáp đường Hành lang ven biển phía Nam	460
19	Lộ Kênh 11 lớn	Đầu kênh 11 lớn (giáp Sông Trẹm)	Giáp ranh huyện U Minh cũ	340
20	Đường ĐH 08	Giáp ranh xã Biển Bạch Đông	Kênh 11 lớn	260
21	Lộ Bờ Tây Sông Trẹm	Hết ranh chùa Hưng Hạnh Tự	Kinh 14	240
22	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Kênh 3+120m (Hết ranh xã Biển Bạch Đông)	Kênh 5	460
23	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Kênh 5	Kênh 7	600
24	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Kênh 7	đất ông Đặng Văn Giang (Thửa 373)	520
25	Lộ Bờ Nam Kênh 7	Đầu Kênh 7 (giáp sông Trẹm)	Giáp lộ Hành lang ven biển phía Nam	410
26	Đường ĐH 04	Kênh Ba Chùa	Cách trụ sở UBND xã Biển Bạch Đông cũ 300m	360
27	Đường ĐH 04	Cách trụ sở UBND xã Biển Bạch Đông cũ 300m (Về hướng thị trấn Thới Bình)	Hết ranh Bưu điện văn hóa xã Biển Bạch Đông cũ	520

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	*(2)*	*(2)*	*(3)*	(4)
28	Đường ĐH 04	Hết ranh Bưu điện văn hóa xã Biển Bạch Đông cũ	Cách Bưu điện văn hóa xã Biển Bạch Đông cũ: 300m (Về hướng xã Biển Bạch)	440
29	Đường ĐH 04	Cách Bưu điện văn hóa xã Biển Bạch Đông cũ: 300m (Về hướng xã Biển Bạch)	Kinh hàng Mít	360
30	Lộ nhựa dọc theo Kênh Sáu La Cua (Bờ Bắc)	Đường ĐH 04	Giáp đường Hành lang ven biển phía Nam	420
31	Lộ nhựa dọc theo Kênh Sáu La Cua (Bờ Bắc)	Cầu Kinh xáng lộ xe	Cầu Kinh 9	390
32	Đường ĐH 08	Kênh số 3	Kênh số 9 giáp ranh xã Tân Bằng cũ	290
33	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Kênh Ba Chùa (Giáp ranh thị trấn Thới Bình)	Cầu số 6 La Cua	590
34	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Cầu số 6 La Cua	Cầu Kinh 1	640
35	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Cầu Kênh 1	Kênh Hàng Mít	550
36	Lộ bờ bắc kênh 4	Sông Trẹm	Giáp Đường HLVB phía Nam	200
37	Lộ bờ nam kênh 4	Giáp Đường HLVB phía Nam	Kênh Hạt	200
38	Lộ bờ nam kênh 5	Sông Trẹm	Giáp Đường HLVB phía Nam	200
39	Lộ Rạch Trưởng Võng	Sông Trẹm	Giáp Đường HLVB phía Nam	200
40	Lộ bờ nam kênh 6	Sông Trẹm	Kênh Hạt	200

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	*(2)*	*(2)*	*(3)*	(4)
41	Lộ bờ nam kênh 7	Giáp Đường HLVB phía Nam	Kênh Hạt	200
42	Lộ bờ nam kênh 8	Sông Trẹm	Kênh Hạt	200
43	Lộ bờ nam kênh 9	Sông Trẹm	Kênh Hạt	200
44	Lộ bờ nam kênh Vàm Thiệt	Sông Trẹm	Giáp Đường HLVB phía Nam	200
45	Tuyến lộ kênh 10	Lộ Bờ Đông Sông Trẹm	Kênh Ranh Hạt	200
46	Tuyến lộ Kênh 13	Lộ Bờ Đông Sông Trẹm	Kênh Ranh Hạt	200
47	Tuyến lộ Kênh 14	lộ Bờ Đông Sông Trẹm	Kênh Ranh Hạt	200
48	Tuyến lộ Kênh 15	lộ Bờ Đông Sông Trẹm	Kênh Ranh Hạt	200
49	Tuyến lộ Kênh 16	Kênh xáng lộ xe	Điểm cuối Kênh Ngọn kênh 16	200
50	Tuyến lộ kênh ranh hạt	Kênh xáng Cùng kênh 12	Ranh hạt (Ngã năm miễu ông Hoàng)	200
51	Lộ bờ Bắc kênh 10	Đường hành lang ven biển phía Nam	Kênh Ranh Hạt giáp Kiên Giang	240
52	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ ≤ 2m			200
53	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ > 2m đến ≤ 3m			250
54	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng > 3m			350
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		200
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		180